**TUẦN 9**

**MÔN TOÁN:**

**Tiết 41**

**Bài 25: LUYỆN TẬP (TIẾP THEO)**

Thời gian thực hiện: ngày 4 tháng 11 năm 2024

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Củng cố kĩ năng sử dụng các bảng chia đã học

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **5 ‘** | **A. Hoạt động mở đầu**  **1. Khởi động:** |  |
|  | - GV tổ chức trò chơi “Truyền điện” để khởi động bài học.  + Câu 1: 18 : 9 = ?  + Câu 2: 27 : 9 = ?  + Câu 3: 42 : 7 = ?  + Câu 4: 36: 6 = ?  ........  - GV Nhận xét, tuyên dương.  **2. Kết nối**  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  18 : 9 = 2  27 : 9 = 3  42 : 7 = 6  36 : 6 = 6  - HS lắng nghe. |
| **30’** | **B. Luyện tập***:* |  |
|  | **Bài 1. Chọn hai thẻ số rồi lập phép nhân, phép chia (theo mẫu)? (Làm việc theo nhóm)**  - GV chia nhóm và yêu cầu HS thực hiện theo mẫu:    - GV tổ chức thi giữa các nhóm, đội thi nào lập được nhiều phép nhân và chia sẽ thắng cuộc.  - GV Mời HS khác nhận xét.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2: (Làm việc chung cả lớp) Quan sát bảng chia và thực hiện các hoạt động sau:**    - GV yêu cầu HS nêu đề bài  a) GV hướng dẫn tìm kết quả của phép chia:  12 : 4 = ?  Bước 1: Tìm từ số 4 ở cột 1 theo chiều mũi tên dóng sang phải đến số 12.  Bước 2: Từ số 12 dóng theo chiều mũi tên lên hàng 1 gặp số 3.  Ta có: 12 : 4 = 3  - Tương tự yêu cầu HS tìm 12 : 3 = ?  b) GV chia nhóm 2, sử dụng bảng chia để tìm kết quả các phép tính vào phiếu học tập nhóm.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  => Qua BT số 3 đã giúp chúng ta cách tìm kết quả của phép nhân và phép chia qua bảng chia.  **Bài 3. (Làm việc chung cả lớp) Sử dụng bảng chia để kiểm tra kết quả các phép tính sau, nếu sai thì sửa lại cho đúng:**    - GV yêu cầu HS đọc phép tính và nhận xét.  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau, sửa lại phép tính sai.  - GV nhận xét tuyên dương.  => BT3 đã giúp các con ôn tập, nhớ lại được các phép tính trong các bảng chia được chính xác nhất. | - HS quan sát và thực hiện.  - Đại diện các nhóm thi.  3 x 6 = 18 5 x 4 = 20  4 x 4 = 16 7 x 3 = 21  15 : 3 = 5 54 : 9 = 6  ................  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - 1 HS nêu đề bài.  - Cả lớp lắng nghe quan sát  - HS chia nhóm 2, làm việc trên phiếu học tập.  - Đại diện các nhóm báo bài, các nhóm khác nhận xét, đánh giá.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 21 : 7 = | 36: 9 = | 45 : 5 = | | 40 : 8 = | 24 : 6 = | 28 : 4 = |   - HS đọc phép tính và nhận xét   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 18 : 2 = 9 | Đ | 27 : 3 = 7  Sửa lại:  27 : 3 = 9 | S | | 30 : 6 = 5 | Đ | 54 : 8 = 6  Sửa lại:  54 : 9 = 6 | S | | 32 : 4 = 8 | Đ | 14 : 7 = 7  Sửa lại:  14 : 7 = 2 | S | | 72 : 9 = 8 | Đ |  |  | |
| **5’** | **C. Vận dụng.** |  |
|  | **Bài 4:**  - GV cho HS nêu yêu cầu bài 4. Trò chơi: Đố bạn sử dụng bảng chia để tìm kết quả các phép chia.    - GV cho 1 HS nêu 1 phép chia, bạn khác nêu kết quả, nếu đúng thì được quyền đố bạn.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - Từ bảng chia ta cũng có thể nêu được các bảng nhân đã học. Gọi HS nêu các bảng nhân | - HS nêu yêu cầu bài 4.  HS thực hiện trò chơi  - HS nêu bảng nhân dựa vào bảng chia |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 9**

**MÔN TOÁN:**

**Tiết 42 Bài 26: MỘT PHẦN HAI. MỘT PHẦN TƯ.**

Thời gian thực hiện: ngày 5 tháng 11 năm 2024

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nhận biết (thông qua hình ảnh trực quan) về “một phần hai”, “một phần tư”. Biết đọc, viết .

- Tạo thành thông qua các thao tác thực hành gấp giấy.

**2. Năng lực**

- Năng lực chung: HS biết nêu câu hỏi và tự tin trả lời được câu hỏi thích hợp với mỗi tình huống, qua đó bước đầu hình thành năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

**- Năng lực đặc thù: NL sử dụng phương tiện, công cụ học toán; NL tư duy và lập luận toán học; NL mô hình hóa toán học.**

**3. Phẩm chất: c**hăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng phụ, một số hình vẽ thể hiện 

- HS: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **5 ‘** | **A. Hoạt động mở đầu** |  |
|  | **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS hát và vận động theo giai điệu bài hát “Tìm bạn thân”.  **2. Kết nối**  - Yêu cầu HS quan sát bức tranh trong SGK, thảo luận về những điều quan sát được trong bức tranh:  + Bức tranh vẽ gì?  + Em có nhận xét gì về cánh diều của bạn nam và bạn nữ?    - GV nhận xét, giới thiệu bài | - HS hát và vận động theo giai điệu của bài hát.  - HS quan sát, thảo luận nhóm đôi  + Bức tranh vẽ 2 bạn nhỏ đang thả diều.  + Cánh diều của bạn nam được chia làm hai phần bằng nhau. Cánh diều của bạn nữ được chia làm bốn phần bằng nhau. |
| **15 ‘** | **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới** |  |
|  | **1. Hình thành biểu tượng về “một phần hai”** |  |
|  | - Yêu cầu HS quan sát hình vẽ và thảo luận:    + Ta có hình gì?  + Hình vuông được chia làm mấy phần bằng nhau?  - GV giới thiệu:  + Chia hình vuông thành 2 phần bằng nhau.  + Tô màu 1 phần, ta được “một phần hai” hình vuông.  - GV giới thiệu cách đọc, viết:  + Đọc: một phần hai  + Viết:  - Gọi HS đọc lại cách đọc, viết.  \* Lưu ý: Một phần hai hay còn gọi là “một nửa”.  - Yêu cầu HS lấy bảng con, tập viết vào bảng con.  - GV nhận xét, đánh giá. | - HS quan sát, thảo luận nhóm đôi.  + Hình vuông.  + Hình vuông được chia làm 2 phần bằng nhau.  - HS theo dõi, nhắc lại  - HS quan sát, theo dõi.  - 3-5 HS đọc lại.  - HS tập viết vào bảng con. |
|  | 2. **Hình thành biểu tượng về “một phần tư”.**  - GV hướng dẫn tương tự như trên.    + Chia hình vuông thành 4 phần bằng nhau. Lấy 1 phần, được một phần tư hình vuông.  + Một phần tư viết là  - Cho HS nhắc lại cách đọc, cách viết số . | - HS theo dõi.  - 3- 5 HS nhắc lại cách đọc, cách viết số . |
| **15 ‘** | **C. Hoạt động thực hành, luyện tập** |  |
|  | **Bài 1.**  - Gọi HS đọc đề.  a) - Yêu cầu HS quan sát mẫu, dự kiến cách làm bài tập.  + Hình tam giác chia làm mấy phần ?  + Đã tô mày đi mấy phần ?  -> Như vậy: Đã tô màu một phần hai hình tam giác.    - Tương tự, yêu cầu HS Quan sát từng hình vẽ, thảo luận nhóm 4 về 3 hình còn lại.    + Vì sao con biết đã tô màu vào một phần 2 hình tròn?  b) - Yêu cầu HS quan sát mẫu hình A, dự kiến cách làm bài tập.    + Chia hình vuông làm 4 phần bằng nhau. Tô màu 1 phần. Vậy đã tô màu vào bao nhiêu phần của hình A.  - Tương tự, yêu cầu HS Quan sát từng hình vẽ, thảo luận nhóm 4 về 3 hình còn lại.  => Củng cố kĩ năng nhận biết và nói về một phần hai và một phần tư. | + Nói (Theo mẫu)  - HS quan sát mẫu, dự kiến cách làm.  + Chia làm 2 phần bằng nhau.  + Đã tô màu vào một phần hai hình tam giác.  - HS quan sát, làm việc nhóm 4, báo bài.  + Đã tô màu vào một phần hai hình tròn.  + Đã tô màu vào một phần hai hình chữ nhật.  + Đã tô màu vào một phần hai hình vuông.  + Vì hình tròn được chia làm 2 phần bằng nhau, tô màu một phần. Vậy đã tô màu vào một phần hai hình tròn.  + Đã tô màu vào một phần tư hình A  - HS thảo luận nhóm 4, chia sẻ.  + Đã tô màu vào một phần bốn hình chữ nhật.  + Đã tô màu vào một phần bốn hình tròn. |
|  | **Bài 2: (Làm việc cá nhân)**   1. **Đã tô màu hình nào?**     Để biết đã tô màu  vào hình nào phải nhận ra hình nào được chia thành 2 phần  - GV nhận xét  b) Làm tương tự như ý a  **Đã tô màu hình nào?**    GV nhận xét  **Bài 3: (Làm việc chung cả lớp)**  a)- GV hướng dẫn HS thực hành gấp, tô  Bước 1: Gấp đôi 1 tờ giấy rồi trải tờ giấy ra  Bước 2: Tô màu vào  tờ giấy    Nhận xét  b)Hướng dẫn HS tương tự như ý a  Gấp hình để tạo thành  Bước 1: Gấp đôi 1 tờ giấy rồi lại gấp đôi tiếp.  Bước 2: Vuốt thẳng góc rồi rải tờ giấy ra  Bước 3: Tô màu vào tờ giấy.    - Cho HS thực hành làm bài cá nhân, chia sẻ trước lớp.  - Gv nhận xét, tuyên dương | - HS đọc thầm yêu cầu  HS lắng nghe.  - HS chia sẻ bài làm: Hình 1 được chia thành 2 phần bằng nhau, đã tô màu 1 phần. Vậy đã tô màu  hình 1.  - Hình 2,3 và 4 không được tô màu vào một phần hai.  - HS chia sẻ bài làm: Hình 1 được chia thành 4 phần bằng nhau, đã tô màu 1 phần. Vậy đã tô màu hình 1.  - Hình 2, 3 không được tô màu vào một hai.  - HS quan sát.  - HS thực hành, chia sẻ trước lớp.  - Nhận xét  - HS quan sát.  - HS thực hành làm bài cá nhân  - HS chia sẻ bài làm  - Nhận xét |
| **5 ‘** | **D. Vận dụng** |  |
|  | - GV cho HS nêu yêu cầu bài 4.  Trang muốn ăn  chiếc bánh, Nguyên muốn ăn cái bánh. Em hãy chỉ giúp hai bạn phần bánh thích hợp ở hình bên  - GV mời HS giải thích về số phần của chiếc bánh.    - GV mời HS khác nhận xét  - GV giải tích, bổ sung và tuyên dương.  - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | HS nêu yêu cầu.  - 1 HS giải thích: Chiếc bánh được cắt đôi theo chiều dọc, nửa bên trái được , bửa bên phải cũng được . Nửa bên trái tiếp tục được cắt đôi theo chiều ngang, ta được  của 1 nửa tức là  cả cái bánh. Vậy Bạn Trang muốn ăn cái bánh sẽ lấy nửa bên trái. Còn bạn Nguyên muốn ăn cái bánh sẽ lấy một phần bên phải ().  - 1-2 HS khác nhận xét. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 9**

**MÔN TOÁN:**

**Tiết 43 Bài 27: MỘT PHẦN BA.MỘT PHẦN NĂM. MỘT PHẦN SÁU**

Thời gian thực hiện: ngày 06 tháng 11 năm 2024

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nhận biết (thông qua hình ảnh trực quan) về “một phần ba”, “một phần năm”, “một phần sáu”. Biết đọc 

- Vận dụng nội dung đã học đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt dộng của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **5 ‘** | **A. Hoạt động mở đầu** |  |
|  | **1. Khởi động**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  **2. Kết nối**  - Yêu cầu HS quan sát tranh SGK:    + Câu 1: Chiếc bánh dài trong ngăn thứ nhất được chia thành mấy phần bằng nhau ?  + Câu 2: Chiếc bánh cuộn ngăn thứ hai được chia làm mấy phần bằng nhau ?  + Câu 3: Chiếc bánh Piza và chiếc bánh ngọt được chia làm mấy phần bằng nhau ?  + Câu 4: Bình nước cam được chia thành mấy phần bằng nhau và chỉ còn mấy phần?  + Câu 5: Bình nước dâu được chia thành mấy phần bằng nhau và chỉ còn mấy phần?  + Câu 6: Bình nước trà xanh được chia thành mấy phần và chỉ còn mấy phần?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi  + Câu 1: Chiếc bánh dài trong ngăn thứ nhất được chia thành ba phần bằng nhau.  + Câu 2: Chiếc bánh cuộn ngăn thứ hai được chia làm năm phần bằng nhau.  + Câu 3: Chiếc bánh Piza và chiếc bánh ngọt được chia làm sáu phần bằng nhau.  + Câu 4: Bình nước cam được chia thành ba phần bằng nhau và chỉ còn một phần.  + Câu 5: Bình nước dâu được chia thành năm phần và chỉ còn một phần.  + Câu 6: Bình nước trà xanh được chia thành sáu phần và chỉ còn một phần.  - HS lắng nghe. |
| **30 ’** | **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới** |  |
|  | **1. Hình thành biểu tượng về “một phần ba”** |  |
|  | a) - GV hướng dẫn học sinh quan sát hình vuông thứ nhất trong SGK    + Hình vuông được chia làm mấy phần bằng nhau?  + Mấy phần được tô màu?  - Nhận xét, chốt:  + Hình vuông được chia làm 3 phần bằng nhau, tô màu một phần.  + Đã tô màu một phần ba hình vuông.  + Một phần ba viết là | - HS quan sát  + Hình vuông được chia làm 3 phần bằng nhau.  + Một phần được tô màu  - HS nhận xét  - HS nhắc lại  HS đọc “một phần ba”  HS viết bảng con |
|  | **2. Hình thành biểu tượng về “một phần năm”, “một phần sáu”** |  |
|  | Hướng dẫn tương tự như ý a | - HS quan sát  - HS thực hiện theo hướng dẫn |
|  | **C. Hoạt động thực hành – Luyện tập** |  |
|  | **Bài 1: (Làm việc theo nhóm) Đã tô màu hình nào?**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  **-** GV yêu cầu HS quan sát hình trong SGK và thảo luận nhóm 2    + Đã tô màu  hình nào?  + Hình nào không được tô màu?  - Gọi đại diện các nhóm lên báo bài.  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 2: (Làm việc cá nhân)**  **a) Đã tô màu hình nào?**  - Gọi HS đọc đề.  - Yêu cầu HS thảo luận, hoàn thành.    + Đã tô màu hình nào?  + Hình nào không được tô màu ?  Nhận xét, tuyên dương.  b) **Đã tô màu hình nào?**  - Hướng dẫn tương tự phần a.    + Để biết đã tô màu  vào hình nào phải nhận ra hình nào được chia thành 6 phần  - GV nhận xét, tuyên dương.  => Qua BT số 1,2 đã giúp các con biết cách nhận biết  của 1 hình.  **Bài 3: (Làm việc chung cả lớp)**  - Gọi HS đọc đề bài.  - GV hướng dẫn HS thực hành gấp hình để tạo thành    - Gv nhận xét, tuyên dương | - HS đọc thầm yêu cầu  - HS quan sát thảo luận  - Đại diện nhóm trả lời  + Đã tô màu  hình 4  + Hình không được tô màu là hình 1, 2, 3  - HS đọc đề.  - HS thảo luận nhóm bàn.  HS trả lời  + Đã tô màu hình 1,4.  + Hình không được tô màu  là hình 2,3  - HS nhận xét  - Lắng nghe  - HS chia sẻ bài làm: Hình 1, 2 được chia thành 6 phần bằng nhau, đã tô màu 1 phần. Vậy đã tô màu  hình 1, 2.  + Hình 3 không được tô màu vào một phần sáu.  - HS nhận xét  - Lắng nghe  - HS đọc: Thực hành gấp hình để tạo thành  - HS theo dõi và thực hành theo hướng dẫn  HS thực hành, chia sẻ trước lớp.S chia |
| **5 ‘** | **D. Vận dụng** |  |
|  | - Gọi HS đọc đề bài.    - GV tổ chức trò chơi “Ghép đôi”. Chơi theo nhóm 6: Mỗi em chọn 1 chiếc thẻ (gồm các thẻ: ; ; Hình A, Hình B, Hình C), sau đó ghép đôi với bạn cho đúng phần bánh các bạn đã ăn tương ứng với hình nào.  - GV Nhận xét, tuyên dương, khen thưởng những nhóm làm nhanh.  - Nhận xét tiết học. | HS đọc đầu bài: Tuấn đã ăn  chiếc bánh, Khang đã ăn  chiếc bánh, Minh đã ăn  chiếc bánh. Theo em mỗi bạn đó đã ăn phần bánh của chiếc bánh nào sau đây?  - HS chơi nhóm 6. Nhóm nào trả lời đúng kết quả và nhanh nhất sẽ được khen, thưởng.  + Tuấn đã ăn  chiếc bánh - Hình A  + Khang đã ăn  chiếc bánh Hình B  + Minh đã ăn  chiếc bánh Hình C |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 9**

**MÔN TOÁN:**

**Tiết 44 Bài 28: MỘT PHẦN BẢY. MỘT PHẦN TÁM. MỘT PHẦN CHÍN**

Thời gian thực hiện: ngày 07 tháng 11 năm 2024

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nhận biết (thông qua hình ảnh trực quan) về “một phần bảy”, “một phần tám”, “một phần chín”. Biết đọc 

- Vận dụng nội dung đã học đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **5’** | **A. Hoạt động mở đầu**  **1. Khởi động** |  |
|  | - GV tổ chức trò chơi Gà con qua cầu để khởi động bài học.  - GV nhận xét, tổng kết trò chơi.  **2. Kết nối**  - Yêu cầu HS quan sát tranh SGK, thảo luận trả lời:    + Câu 1: Chiếc bánh dài được chia làm mấy phần bằng nhau và đã cắt ra mấy phần?    + Câu 2: Chiếc bánh tròn ở giữa được chia làm mấy phần bằng nhau và đã cắt ra mấy phần?    + Câu 3: Chiếc bánh vuông được chia làm mấy phần bằng nhau và đã cắt ra mấy phần?    - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi  - HS quan sát tranh, thảo luận nhóm đôi, trả lời:  + Câu 1: Chiếc bánh dài được chia làm bảy phần bằng nhau và đã cắt ra 1 phần.  + Chiếc bánh tròn ở giữa được chia làm tám phần bằng nhau và đã cắt ra một phần.  + Chiếc bánh vuông được chia thành chín phần bằng nhau và đã cắt ra một phần.  - HS lắng nghe. |
| **15’** | **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới** |  |
|  | **1. Hình thành biểu tượng về “một phần bảy”** |  |
|  | - GV chiếu hình chữ nhật chia đều bảy phần như trong SGK    + Hình chữ nhật được chia làm mấy phần bằng nhau?  + (GV tô màu một phần). Mấy phần được tô màu?  => GV chốt: Hình chữ nhật được chia làm bảy phần bằng nhau, một phần được tô màu.  - Ta có: “Một phần bảy”  - Viết:  - Nhận xét, tuyên dương.  **2. Hình thành biểu tượng về “một phần tám”**  \* Hướng dẫn tương tự:  + Hình chữ nhật được chia làm mấy phần bằng nhau?    + Mấy phần được tô màu?  => GV chốt: Hình chữ nhật được chia làm tám phần bằng nhau, một phần được tô màu.  - Ta có: “Một phần tám”  - Viết:  - Nhận xét, tuyên dương.  **2. Hình thành biểu tượng về “một phần chín”**  - GV chiếu hình chức nhật thứ 3 lên và hỏi:  + Hình chữ nhật được chia làm mấy phần bằng nhau?    + Mấy phần được tô màu?  => Hình chữ nhật được chia làm chín phần bằng nhau, một phần được tô màu. Ta có: “Một phần chín”  - Viết:  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS quan sát  - HS trả lời: Hình chữ nhật được chia làm bảy phần bằng nhau.  + Một phần được tô màu  - HS đọc  - HS viết bảng con  - HS trả lời: Hình chữ nhật được chia làm tám phần bằng nhau.  + Một phần được tô màu  - HS đọc  - HS viết bảng con  - HS quan sát, trả lời:  + Hình chữ nhật được chia làm chín phần bằng nhau.  + Một phần được tô màu  - HS đọc  - HS viết bảng con |
| **15’** | **C. Hoạt động thực hành – Luyện tập** |  |
|  | **Bài 1: (Làm việc chung cả lớp) Chọn thẻ tương ứng với phần đã tô màu**  **-** GV yêu cầu HS đề bài  - Cho HS thảo luận nhóm bàn    - Yêu cầu HS trả lời bằng hình thức giơ thẻ màu:  +  tương ứng với băng giấy màu gì ?  +  tương ứng với băng giấy màu gì ?  +  tương ứng với băng giấy màu gì ?  +  tương ứng với băng giấy màu gì ?  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 2: (Làm việc cá nhân)**  **Đã tô màu hình nào?**    Đã tô màu hình nào?  Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3: (Làm việc phiếu bài tập)**  - GV yêu cầu HS đọc đầu bài và làm phiếu bài tập  Hình nào đã khoanh:  a) số cây nấm    b) số cây nấm    c) số cây nấm    - GV mời HS nhận xét  - Gv nhận xét, tuyên dương | - HS đọc thầm yêu cầu  - HS quan sát thảo luận  - HS giơ thẻ màu  +  tương ứng với băng giấy màu tím.  +  tương ứng với băng giấy màu đỏ.  +  tương ứng với băng giấy màu vàng.  +  tương ứng với băng giấy màu xanh.  HS đọc yêu cầu  Hình được tô màu là hình A  HS đọc  a) Đã khoanh vào một phần bảy hình B  b) Đã khoanh vào một phần tám hình A  c) Đã khoanh vào một phần chín hình A  - HS nhận xét  - Lắng ngheS chia |
| **5’** | **D. Vận dụng**  **Bài 4.**  - Yêu cầu HS đọc đầu bài bài 4  - GV hướng dẫn học sinh thực hành  a) Lấy ra 17 hình tròn chia thành 7 phần bằng nhau    b) Chỉ ra  số hình tròn ở câu a    - GV Nhận xét, tuyên dương.  - Nhận xét tiết học. | - HS đọc đầu bài  - HS làm theo hướng dẫn  HS thảo luận với bạn chỉ ra  số hình tròn ở câu a theo nhóm 2 và nhận xét lẫn nhau |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 9**

**MÔN TOÁN:**

**Tiết 45 Bài 29: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC**

Thời gian thực hiện: ngày 08 tháng 11 năm 2024

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Thực hành nhân, chia (trong bảng).

- Củng cố nhận biết về

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **5’** | **A. Khởi động:** |  |
|  | - GV tổ chức trò chơi “Đố bạn” để khởi động bài học.  + 2 gấp lên 4 lần được mấy?  + 3 gấp lên 5 lần được mấy?  ...  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi  + 2 gấp lên 4 lần được 8  + 3 gấp lên 5 lần được 15  - HS lắng nghe. |
| **30 ‘** | **B. Hoạt động thực hành – Luyện tập** |  |
|  | **Bài 1. Số? (Làm việc chung cả lớp).**  - Yêu cầu học sinh đọc đề bài.  **-** GV mời HS làm bài và nối tiếp nhau nêu kết quả theo hình thức Hỏi đáp    **-** GV nhận xét kết quả, tuyên dương.  => Củng cố các bảng nhân, bảng chia đã học.  **Bài 2: (Làm việc nhóm 4). Chọn thẻ tương ứng với phần đã tô màu trong mỗi hình sau:**  - Gọi HS đọc đề.    - Chia lớp thành các nhóm 4, thảo luận và chọn đại diện một số nhóm lên thi gắn thẻ số tương ứng với các hình. Đội nào gắn đúng và nhanh nhất sẽ được khen và thưởng.  - GV mời đại diện các nhóm trình bày.  - GV mời các nhóm khác nhận xét  - GV Nhận xét chung, tuyên dương.  **Bài 3: (Làm việc chung cả lớp)**  **Chọn dấu (+, - , x , :) thích hợp:**  - Gọi HS đọc đề.    - GV đọc phép tính, yêu cầu HS giơ các thẻ dấu thích hợp.  - Mời HS nhận xét  **Bài 4: (Làm phiếu bài tập) Số?**    - GV hướng dẫn mẫu:  + Cột thứ nhất cho biết những gì?  + Số đã cho là 6. Thêm 3 đơn vị được bao nhiêu?  + Làm thế nào con tìm được 9?  + Gấp 3 lần được bao nhiêu? Vì sao?  + Bớt 3 đơn vị ta được bao nhiêu? Vì sao?  + Giảm 3 lần con thực hiện phép tính gì?  - Yêu cầu HS làm bài. 1 HS làm bảng phụ.  - GV cùng HS chữa bài.  + Muốn gấp một số lên một số lần ta làm như thế nào?  + Muốn giảm một số đi một số lần ta làm như thế nào?  => Củng cố cách thêm, bớt, gấp, giảm 1 số.  **Bài 5: (Làm bài cá nhân)**  **Chú Nam vắt được 5 xô sữa bò, mỗi xô có 8*l* sữa. Hỏi chú Nam vắt được tất cả bao nhiêu lít sữa bò?**    - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở, 1 em làm bảng phụ.  - GV thu bài và chấm một số bài xác xuất.  - GV Nhận xét từng bài, tuyên dương. | - 1 HS đọc đề bài.  - HS làm bài và nối tiếp nêu kết quả, nhận xét.      - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có)  - 1 HS đọc đề bài.  - Lớp chia nhóm và thảo luận, tham gia trò chơi.  - Đại diện các nhóm báo bài.  +  tương ứng hình A  +  tương ứng hình B  +  tương ứng hình C  +  tương ứng hình D  - Các nhóm nhận xét.  Lắng nghe  - HS đọc đầu bài  - HS thực hiện   |  |  | | --- | --- | | 8 + 1 = 9  6 : 3 = 2  1 x 9 = 9 | 7 : 7 = 1  0 + 3 =3  5 x 0 = 0 |  |  |  | | --- | --- | | 1 x 4= 4  1 – 1 = 0  1 + 0 = 1 | 6 x 0 = 0  0 + 6 = 6  8 : 8 = 1 |   + Cho biết Số đã cho, Thêm 3 đơn vị, Gấp 3 lần, Bớt 3 đơn vị, Giảm 3 lần.  + được 9.  + Con lấy số đã cho + 3  + Được 18. Vì lấy 6 x 3 = 18  + Bớt 3 đơn vị ta được 3 vì lấy 6 – 3 = 3  + Giảm 3 lần ta thực hiện phép tính chia. Lấy 6 : 3 = 2   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Số đã cho | 3 | 9 | | Thêm 3 đơn vị | 6 | 12 | | Gấp 3 lần | 9 | 27 | | Bớt 3 đơn vị | 0 | 6 | | Giảm 3 lần | 1 | 3 |   + Muốn gấp một số lên một số lần ta lấy số đó nhân với số lần  + Muốn giảm một số đi một số lần ta lấy số đó chia đi số lần.  - HS đọc đề bài  + Chú Nam vắt được 5 xô sữa bò. Mỗi xô có 8 lít sữa bò.  + Chú Nam vắt được:....lít sữa bò?  - HS làm bài theo yêu cầu  Bài giải  Chú Nam vắt được tất số lít sữa bò là:  5 x 8 = 40 (l)  Đáp số: 40 l sữa bò |
| **5 ‘** | **C. Vận dụng** |  |
|  | **Bài 6 (Thảo luận nhóm)**  **Ước lượng rồi nêu cân nặng phù hợp với mỗi trường hợp sau:**  - Gọi HS đọc đề.    - GV yêu cầu HS thảo luận với bạn và chia sẻ kết quả thảo luận  a) + Cân nặng của một miếng bánh là bao nhiêu?  + Cả chiếc bánh gồm mấy miếng?  + Vậy chiếc bánh cân nặng bao nhiêu?  + Làm thế nào em tìm được kết quả là 800g?  Nhận xét  b) Hướng dẫn HS thảo luận như ý a  - GV Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học. | - HS nêu yêu cầu bài tập  - HS thảo luận nhóm đôi  + Cân nặng của một miếng bánh là 800g.  + Cả chiếc bánh gồm 8 miếng.  + Vậy chiếc bánh cân nặng 800g  + Con lấy cân nặng của 1 miếng x số miếng  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................